

QUYỀN CON NGƯỜI TRONG GIÁO THUYẾT CỦA MỘT SỐ TÔN GIÁO

Tóm tắt: *Quyền con người là vấn đề của thời hiện đại nhưng đã được các tôn giáo đề cập đến ở những khía cạnh khác nhau trong những nội dung cụ thể của quyền con người, như: về sự hình thành con người, về nhân cách, phẩm giá của con người, về sự tự do trong tình yêu, hôn nhân, về sự tự do trong đời sống tâm linh tôn giáo, về sự sống và cái chết, v.v... Bài viết này đề cập đến quyền con người trong giáo thuyết của một số tôn giáo ở một số nội dung, như: Quyền được sống và đảm bảo sự sống; Quyền trong tình yêu và hôn nhân; Quyền bình đẳng giữa nam và nữ.*

Từ khóa: *Giáo thuyết; tôn giáo; quyền con người.*

Dẫn nhập

Quyền con người theo cách tiếp cận hiện đại gồm rất nhiều nội dung, có thể khu biệt các quyền đó vào các nhóm nội dung như: nhóm các quyền dân sự, chính trị; nhóm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Các nhóm nội dung về quyền con người nói trên được thừa nhận trong nhiều văn kiện pháp lý, chính trị của Liên Hợp Quốc, nhưng trên thực tế đến nay nó vẫn chưa được sử dụng phổ biến trong cách tiếp cận của nhiều quốc gia đối với vấn đề phát triển. Việc đảm bảo quyền con người ở các quốc gia phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, như: cách tiếp cận, điều kiện kinh tế, xã hội, sự chi phối của các giá trị văn hóa, tôn giáo truyền thống.

* Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 29/11/2019; Ngày biên tập: 12/12/2019; Duyệt đăng: 06/01/2020.

Giáo thuyết của hầu hết các tôn giáo đều không đề cập trực tiếp đến khái niệm quyền con người, cũng như không bàn đến đầy đủ các nội dung quyền con người theo cách tiếp cận của thời hiện đại. Nhưng có một số nội dung mà hầu hết các tôn giáo đều bàn đến, như: về sự hình thành con người, về nhân cách, phẩm giá của con người, về sự tự do trong tình yêu, hôn nhân, về sự tự do trong đời sống tâm linh tôn giáo, về sự sống và cái chết,... thực ra đã đụng chạm đến nhiều khía cạnh khác nhau của quyền con người. Những nội dung nói trên trong các tôn giáo có truyền thống lâu đời và có phạm vi ảnh hưởng rộng trong xã hội, như: Islam giáo, Kitô giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo,... đã có những tác động rất lớn đến việc thực hiện quyền con người trong một số quốc gia trên một số lĩnh vực nhất định.

1. Quyền được sống và đảm bảo sự sống trong lý thuyết một số tôn giáo

Trong giáo lý của hầu hết các tôn giáo đều bàn đến vấn đề hình thành con người và đều quan tâm đến sự sống của con người. Theo quan điểm của Kitô giáo, con người được Thiên Chúa ban cho một hồng ân cao quý, đó là sự sống. Hình ảnh của con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa. “Thiên Chúa đã dựng nên người giống hình ảnh mình, dựng nên người giống hình ảnh Chúa, dựng nên người nam và người nữ” (ST.1:27)¹; “Ai đổ máu người, sẽ bị đổ máu bởi tay kẻ khác vì Thiên Chúa đã dựng nên con người theo hình ảnh Chúa (ST 9:6)². Sự sống của con người, theo quan niệm của Kitô giáo, được tính từ khi bắt đầu hình thành bào thai trong bụng mẹ. Sách Thánh Vịnh 139:13-16 viết: “Chính Chúa đã tạo nên ruột gan tôi, đã dệt nên tôi trong lòng mẹ. Tôi ngợi khen Chúa đã dựng nên tôi cách lạ lùng như vậy, công việc Chúa làm thật kỳ diệu và Chúa biết rõ tận đáy lòng tôi. Xương tôi không giấu nổi mắt Chúa lúc tôi được tạo nên ở nơi kín ỉn thành hình trong lòng đất. Mắt Chúa nhìn rõ mọi hành vi của tôi, tất cả đều đã ghi vào sách của Chúa; số ngày đời tôi đã được đếm, trước khi chưa có ngày đầu tiên xuất hiện”³. Chính vì vậy, mọi hành động chống lại

sự sống (bao gồm cả phá thai do cố ý) được coi là một tội ác đặc biệt nghiêm trọng, được xếp vào tội giết người và đây là hành động chống lại Thiên Chúa. Con người và sự sống của con người xuất phát từ Thiên Chúa, vì vậy, con người và sự sống của con người là thuộc về Thiên Chúa. Sự sống của con người là thiêng liêng, cao quý. Cho nên, theo quan niệm của Kitô giáo, tôn trọng sự sống là yêu cầu đầu tiên, quan trọng nhất trong các quyền căn bản của con người.

Trong mười điều răn của Chúa có điều răn “không được giết người”. Do vậy, nạo phá thai luôn được Giáo hội Công giáo coi là một điều bị tuyệt đối cấm. Công đồng Vatican II khẳng định phá thai là tội ác chống lại sự sống: “Phá thai là tội trọng đi ngược với sự sống (MV 51b)”; “Phá thai... là tội ác đáng ghê tởm” (MV 51c); “Giáo Hội phạt tội này với vạ tuyệt thông cho tất cả những ai góp phần hiệu lực cho việc phá thai”⁴. Điều 1398 Giáo luật Công giáo hiện hành ghi rõ: “Ai thi hành việc phá thai, và việc phá thai có kết quả, sẽ mắc vạ tuyệt thông tiền kết”⁵.

Phật giáo cho rằng, con người được hình thành là do tinh cha, huyết mẹ và nghiệp lực. “Do tinh cha huyết mẹ hòa hợp làm chỗ sở duyên của thức nương ở nơi đó” (Đại Bảo Tích, pháp hội thứ 14, Phật thuyết nhập thai tạng). Tương tự như quan niệm của Kitô giáo, Phật giáo cho rằng, sự sống của con người được tính từ khi hình thành phôi thai trong bụng mẹ. Và phá thai cũng là một trong những hành động sai trái, vi phạm nguyên tắc then chốt của Phật giáo, đó là không được tước đoạt mạng sống của con người, vi phạm nguyên tắc không gây hại cho muôn loài và phạm vào lý thuyết từ bi của Phật giáo.

Nhiều bản kinh của Phật giáo nói đến những người phải chịu hình phạt đau khổ do tội nạo phá thai gây ra. *Kinh Tạp A Hàm* có kể về câu chuyện “một chúng sinh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, chỉ là một khối thịt, đi trong hư không, bị quạ, điều, kéc, kên kên, đã can chó đói rượt theo cầu xé để ăn, hoặc moi nội tạng ra khỏi xương sườn để ăn, thống khổ bức bách, kêu la, gào thét”.

Đức Phật đã giải thích: “Chúng sinh này thời quá khứ ở thành Vương Xá, tự phá thai mình. Do tội này nên rơi vào địa ngục trong trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ, tội báo kia còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân như thế, và tiếp tục chịu khổ”⁶. Như vậy, theo quan niệm của Phật giáo, phá thai cũng là một trong những hành vi phạm tội, và tội lỗi đó sẽ bị trừng phạt với hình thức rất nặng nề.

Quan niệm của các tôn giáo về quyền được sống và tôn trọng sự sống nói trên có liên quan đến một vấn đề gây tranh cãi rất lớn hiện nay, đó là vấn đề an tử, trợ tử (cái chết êm ái) hay còn gọi là quyền được chết. Đây là một thuật ngữ pháp lý nhằm chỉ hành động tự nguyện (hoặc trợ giúp người khác theo ý muốn của họ) tìm đến cái chết của một con người cụ thể nhằm giải thoát bản thân khỏi nỗi đau đớn về mặt thể xác hoặc tinh thần đã kéo dài mà không thể cứu chữa bằng các liệu pháp y khoa.

Có thể nói, an tử hay trợ tử là vấn đề của thời hiện đại ngày nay và nó hoàn toàn không phải là vấn đề được đặt ra khi các tôn giáo ra đời. Do vậy, khó có thể tìm được thái độ của các tôn giáo về vấn đề này thông qua kinh điển mà chỉ là những quan điểm của các giáo hội dựa trên quan niệm của các tôn giáo về sự sống và quyền được sống của con người.

Từ quan niệm sự sống của con người là do Thượng đế ban cho nên các tôn giáo nhất thần, như: Công giáo, Islam giáo, Do Thái giáo đều cho rằng, chỉ có Thượng đế mới là người có quyền lấy lại sự sống. Giáo hội các tôn giáo này đều cho rằng, an tử, hay trợ tử được coi là sự can thiệp vào ý muốn của Thượng đế và do đó đều không đồng tình với trợ tử, thậm trí lên tiếng chống đối và cho rằng trợ tử cả tích cực hay thụ động đều được coi là hành vi giết người.

Với Phật giáo, Giáo hội Phật giáo của các quốc gia và các hệ phái ít thể hiện quan điểm chính thức của mình về vấn đề an tử, trợ tử. Nhưng đây đó, các trí thức Phật giáo có những quan điểm khác nhau, thậm trí đối lập nhau về vấn đề này. Ở Việt Nam, Nguyễn Phúc Bửu Tập dẫn ra quan điểm của S.K. Nanayakkara

được cho là sưu tầm trong tạng Vinaya Pitaka (quyển II) những trường hợp cụ thể Đức Phật phán quyết về những hành động liên quan đến trợ tử. Theo đó, trong các trường hợp giúp người khác kết liễu mạng sống (khi thân thể đang khỏe mạnh) theo ý muốn của họ; xúi giục người khác kết liễu cuộc sống của người thân đang bị ốm đau bệnh tật không thể chữa trị khỏi; hoặc trợ giúp cho người bị ốm đau triền miên, mắc bệnh nan y kết liễu cuộc sống theo ý muốn của người bệnh,... đều là những hành động không có thiện căn, là hành động sát nhân. Xuất phát từ đó, Nguyễn Phúc Bửu Tập tán thành quan điểm của S.K. Nanayakkara, không đồng tình với vấn đề an tử, trợ tử⁷.

Một số trí thức Phật giáo khác, như: Thích Nhật Từ, Trịnh Nguyên Phước lại có quan điểm ngược lại. Trịnh Nguyên Phước cho rằng, nếu lấy kinh điển ra để dẫn chứng, thì cũng chưa thực sự đủ tin cậy rằng đó là những điều Đức Phật đã dạy, vì một số kinh điển Phật giáo, ngay cả Tam Tạng kinh điển, cũng có thể đáng ngờ vực vì nó không phải được viết ra bởi chính Đức Phật và còn được sao đi chép lại nhiều lần, không thể tránh khỏi sai lạc. Ông cho rằng, cần dựa trên giáo lý căn bản của Phật giáo mà đưa ra những kết luận về thái độ của đạo Phật trước vấn đề trợ tử. Trịnh Nguyên Phước cho rằng, Phật giáo đề cao sự sống của con người nhưng không coi sự sống là điều thiêng liêng bất khả xâm phạm. Sự sống và sự chết theo quan niệm Phật giáo, chỉ là một giai đoạn trong vòng sinh tử luân hồi của con người. Dựa vào phân tích giáo lý Phật giáo, rằng con người tạo nghiệp nhưng đó là những hành động có ý thức. Nếu sát sinh không phải là do tâm sát sinh gây nên, thì kết quả không phải là sợ hãi hận thù, khiến cho tâm phải khổ đau. Hơn nữa, đạo Phật trước hết là đạo diệt khổ và Phật giáo là một tôn giáo khế lý, khế cơ, tùy duyên bất biến. Ông dẫn ra câu chuyện trong *Jataka*, kể về tiền thân của Đức Phật đã phải bắt buộc giết một tướng cướp để cứu sống hàng chục người vô tội... Với tất cả những lý do đó, tác giả này cho rằng: “Hành động trợ tử, gây nên cái chết một cách nhẹ nhàng, nhằm mục đích làm thuyên giảm

những khổ đau của người bệnh trong giai đoạn cuối của cuộc đời, vì lòng từ bi cứu khổ, không đi ngược lại với tinh thần của đạo Phật”⁸.

Như vậy, quan niệm về quyền được sống và tôn trọng sự sống của con người đều được đề cập đến trong lý thuyết của nhiều tôn giáo ở những mức độ khác nhau. Quan điểm của các tôn giáo về vấn đề này có tác động nhất định đến nhận thức và cách ứng xử của một bộ phận người dân trong việc thực thi quyền được sống và tôn trọng sự sống của con người trong xã hội hiện nay.

2. Quyền trong tình yêu và hôn nhân trong giáo thuyết một số tôn giáo

Hôn nhân là một sự quy ước của xã hội do con người tạo ra nhằm mục đích duy trì nòi giống, duy trì sự tồn tại của xã hội loài người và đảm bảo trật tự, sự hòa hợp trong quá trình sinh sản. Hôn nhân cũng là tiêu chí để phân biệt xã hội loài người với đời sống của loài vật.

Trong hầu hết các tôn giáo, tình yêu và hôn nhân rất được quan tâm. Theo quan niệm của Kitô giáo, người nam và người nữ là do Thiên Chúa tạo ra, sự kết hợp giữa người nam và người nữ mới là tốt đẹp, đầy đủ. Hôn nhân, theo quan niệm của Kitô giáo là một kết ước giữa một người nam và một người nữ, là ơn gọi nuôi dưỡng những điều tốt đẹp. Mục đích của hôn nhân, theo *Kinh Thánh Cựu ước* là sinh con đẻ cái để tiếp tục kế hoạch của Thiên Chúa triển khai công trình sáng tạo và để con người tự hoàn thiện mình.

Kitô giáo cho rằng, người nam và người nữ có quyền tự do trong lựa chọn bạn đời của mình, tự do quyết định tiến tới hôn nhân. Sự tự do của hai người được thừa nhận bởi sự ưng thuận được bày tỏ công khai của cả hai tại thời điểm kết hôn trước sự chứng kiến của Chúa. Đây là nghi lễ cốt yếu để sự ưng thuận kết hôn của hai người trở nên có hiệu lực, để thiết lập một mối quan hệ không thể tách rời giữa người nam và người nữ. Tức là, người nam và người nữ khi đã tình nguyện gắn kết cuộc đời với nhau bắt buộc họ phải có ý hướng cuộc hôn nhân của mình trở thành một kết ước vợ chồng để sinh

con đẻ cái và chung thủy, tin yêu nhau đến suốt cuộc đời. Khi tất cả những điều kiện của cuộc hôn nhân đã thành, tức là một bí tích hợp nhất bởi tay Thiên Chúa thì kết ước đó sẽ trở thành bất khả phân ly. Thiên Chúa đã làm cả hai nên một trong bí tích hôn phối (cf. Mt. 19:5)⁹; “VẬY ĐIỀU GÌ THIÊN CHÚA ĐÃ KẾT HỢP, LOÀI NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC PHÂN LY” (Mt. 19:6)¹⁰.

Quan điểm của Phật giáo đối với vấn đề hôn nhân khá rộng mở. Phật giáo xem hôn nhân là vấn đề mang tính cá nhân và riêng tư chứ không phải là trách nhiệm của tín đồ đối với tôn giáo. Theo quan niệm của Phật giáo, con người có thể kết hôn, hoặc sống độc thân. Phật giáo cho rằng, nếu một người đàn ông có thể tìm được một người phụ nữ hiểu biết, thích hợp với mình để lấy làm vợ, và tương tự, phụ nữ có thể tìm được một người đàn ông hiểu biết thích hợp với mình để lấy làm chồng thì cả hai thực sự là những người may mắn. Như vậy, hôn nhân theo quan điểm Phật giáo là dựa trên sự tự nguyện, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau giữa người nam và người nữ. Nghĩa là mỗi người có quyền tự do lựa chọn sẽ gắn bó cuộc đời mình với một người khác chứ không phải trên cơ sở ép buộc hay vì những lý do không chính đáng khác. Cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc hay không là tùy thuộc vào nhân cách, phẩm chất đạo đức cũng như hành vi ứng xử của cả vợ và chồng. Giáo luật Phật giáo cũng không cấm ly dị khi hôn nhân không hạnh phúc. Khi tình yêu không còn và cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, vợ chồng có quyền tự do chia tay nhau để tránh phải sống trong cảnh khổ đau.

Islam giáo cũng có những điểm khá giống với Kitô giáo và Phật giáo trong quan niệm về hôn nhân. Theo đó, hôn nhân là điểm khởi đầu cho quá trình xây dựng một mối quan hệ lâu dài giữa người nam và người nữ; hôn nhân cần đảm bảo sự tự nguyện, sự bác ái và sự khoan dung. Khi người nam và người nữ tiến tới hôn nhân phải đảm bảo có sự hiểu biết về nhau một cách đầy đủ. Islam giáo cho rằng, hôn nhân là một khế ước phải được chứng nhận và giám sát bởi Allah. Islam giáo khuyến khích người nam lựa chọn bạn đời

trên cơ sở các giá trị của người phụ nữ như lòng mộ đạo, đức liêm chính,... Phụ nữ Islam giáo cũng có quyền tự do lựa chọn người đàn ông xứng đáng, thích hợp và có thể đem lại hạnh phúc cho mình. Theo quy định của Islam giáo, phụ nữ có quyền có thể đòi hỏi số tiền thách cưới theo tiêu chuẩn của nàng và điều kiện của người nam giới. Việc làm này nhằm đảm bảo rằng người phụ nữ thực sự được người đàn ông yêu mến và sẵn sàng có ý muốn gánh nhận trách nhiệm về mặt tài chính để duy trì cuộc sống gia đình.

Giáo luật Islam giáo quy định, hôn nhân phải được thực hiện công khai trong sự tự do thuận tình của cả hai bên, trước sự chứng kiến của hai người giám hộ và được ghi vào sổ sách chính thức. Islam giáo cho phép ly dị khi hôn nhân không đạt mục đích, nhưng đây chỉ là giải pháp cuối cùng sau khi hai bên đã cố gắng, nỗ lực hòa giải không thành. Giáo luật Islam giáo đòi hỏi ly dị phải có sự thỏa hiệp, thuận tình giữa hai bên và đảm bảo quyền cho cả người chồng và người vợ. Giáo luật Islam giáo cho phép và khuyến khích các cặp vợ chồng sau khi ly hôn có thể tái hợp bằng quy định sau 3 đến 10 tháng khi thủ tục li dị xảy ra, người vợ không được tái giá. Trong khoảng thời gian này, người chồng vẫn phải đảm bảo chu cấp hoàn toàn cho người vợ. Nếu trong thời gian này, cả hai muốn tái hợp, thì Allah là người hòa giải và cho phép (2: 228-231)¹¹.

Như vậy, trong hầu hết các tôn giáo, vấn đề quyền con người trong tình yêu và hôn nhân rất được quan tâm. Mỗi tôn giáo có quan niệm riêng về vấn đề này. Nhưng nhìn chung, các tôn giáo đều coi hôn nhân là vấn đề hệ trọng trong cuộc đời của mỗi người, do vậy đều khuyến khích sự tự do và sự tôn trọng lẫn nhau từ cả phía người nam và người nữ.

3. Quyền bình đẳng giới trong giáo thuyết một số tôn giáo

Bình đẳng giới được đề cập trong giáo lý của nhiều tôn giáo lớn như Phật giáo, Kitô giáo, Islam giáo. Trong các tôn giáo này, quyền của phụ nữ được quan tâm ở các mức độ khác nhau trong tương quan với quyền của nam giới.

Giáo lý Phật giáo không đề cập trực tiếp đến vấn đề nam nữ bình quyền, nhưng trong nhiều bộ kinh gián tiếp nói đến quyền bình đẳng giới. Phật giáo cho rằng, nam nữ bình đẳng với nhau vì chúng sinh đều cùng bản thể, đều có Phật tính. Sự khác biệt giới tính là thứ yếu, sự giác ngộ tâm tính là quan trọng. Trong quan hệ vợ chồng, Phật giáo chủ trương xây dựng một mối quan hệ bình đẳng, yêu thương, chung thủy, mỗi thành viên trong gia đình đều có trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Người chồng phải yêu thương người vợ; tôn trọng người vợ; sắm các thứ đồ trang sức cho người vợ; để người vợ được tự do trong nhà; xem người vợ như chính mình. Với người vợ thì cần làm tròn phận sự của mình; ân cần đón tiếp thân bằng quyến thuộc bên người chồng; trung thành với người chồng; giữ gìn tiền bạc của cải; luôn siêng năng, không bê trễ công việc.

Trong đời sống tâm linh, Phật giáo cho phép thành lập giáo đoàn ni, tiếp nhận phụ nữ xuất gia tu hành, để phụ nữ có được quyền lợi trong đời sống tâm linh, trong việc giải thoát sinh mệnh.

Kitô giáo xuất phát từ quan niệm người nam và người nữ đều là sản phẩm của Thiên Chúa, nên cũng chủ trương xây dựng một mối quan hệ bình đẳng yêu thương, tôn trọng sẻ chia với nhau giữa vợ và chồng. *Kinh Thánh* chỉ rõ, người chồng là người chủ, là mẫu mực của yêu thương và trung thành, còn người vợ phải có nghĩa vụ đáp lại tình cảm đó. “Anh chị em hãy vì lòng kính sợ Chúa mà vâng phục nhau... Hỡi các kẻ làm chồng, hãy yêu vợ mình như Chúa Kitô yêu Giáo hội... Chồng cũng vậy, phải yêu mến vợ như yêu mến bản thân, yêu mến vợ tức là yêu mến mình... Bởi vậy, mỗi người anh chị em hãy yêu vợ như yêu chính mình, và vợ hãy kính sợ chồng mình” (ÊPS 5: 21-33)¹².

Islam giáo nhấn mạnh đến việc nam nữ cùng tiến bộ như nhau và chủ trương nam nữ được bình đẳng trước Allah, chủ trương phụ nữ có quyền sống bình đẳng như nam giới. *Kinh Qur'an* quy định: “Người đàn ông là trụ cột (của gia đình... họ chi dùng tài sản của họ vào việc cấp dưỡng gia đình” (4:34)¹³; và “Nếu các người muốn lấy vợ sau thay cho người vợ trước và các người đã cho mỗi bà

đồng vàng (Quintar) làm quà cưới, thì các người không được phép lấy lại một tí nào cả” (4: 20)¹⁴. Với phụ nữ, *Kinh Qur'an* quy định: Bản phận của người phụ nữ Islam giáo trong gia đình là phải biết vâng lời chồng, chu toàn trách nhiệm công việc nội trợ, chăm sóc chồng con và giữ gìn mối liên hệ trong gia đình. “Và nếu hai người (đàn ông và đàn bà) trong các người phạm tội thông gian, thì hãy phạt cả hai thật nặng” (4: 16)¹⁵.

Tuy nhiên, trong hầu hết các tôn giáo, quan niệm về quyền bình đẳng nam nữ vẫn còn có những hạn chế nhất định. *Kinh Thánh* của Kitô giáo cho rằng: “Vợ hãy phục tùng chồng như phục tùng Chúa vì chồng là chủ vợ như Chúa Kitô là chủ Giáo hội. Vậy Giáo hội phục tùng Chúa Kitô thế nào thì vợ cũng phải phục tùng chồng trong mọi sự như thế” (ÊPS 5: 24)¹⁶. Trong các buổi hội họp ở nhà thờ, người phụ nữ không được quyền lên tiếng: “Các phụ nữ phải yên lặng mà nghe giảng dạy và phải vâng phục hoàn toàn. Tôi không cho phép người nữ giảng dạy hay là sai khiến người nam. Người nữ phải yên lặng. Vì ông Adam được dựng nên trước, rồi mới đến bà Eva. Lại không phải ông Adam bị lừa dối, mà là bà Eva bị lừa dối mà phạm lề luật” (I TMT 2: 9-14)¹⁷.

Kinh Qur'an và *Luật Sharia* của Islam giáo cũng tồn tại những điều bất công đối với phụ nữ. *Kinh Qur'an* ghi rõ: “Người đàn ông là trụ cột (của gia đình) trên người đàn bà bởi vì Allah ban cho người này sức lực hơn, bởi vì họ chỉ dùng tài sản của họ vào việc cấp dưỡng gia đình. Do đó, người đàn bà đức hạnh nên phục tùng chồng và trông coi (nhà cửa) trong lúc chồng vắng mặt” (4: 34)¹⁸. Xác định uy quyền của người đàn ông với người phụ nữ, trong *Kinh Qur'an* có viết: “và đối với các bà (vợ) mà các người sợ họ thất tiết và bướng bỉnh, (trước hết) hãy cảnh cáo họ, và cuối cùng đánh họ (nhẹ tay); bởi thế, nếu họ chịu nghe theo các người thì chớ kiểm chuyện (rầy rà với họ) (4:34)¹⁹. Và “Vợ của các người là một miếng đất trông cho các người. Do đó, hãy đến gần mảnh đất trông của các người tùy lúc và tùy theo cách các người muốn” (2: 223)²⁰.

Theo Islam giáo, đàn ông có quyền lấy nhiều vợ, nhưng đàn bà chỉ được lấy một chồng. Trong quan hệ hôn nhân, phụ nữ Islam giáo phụ thuộc hoàn toàn vào chồng và phải có nghĩa vụ phục tùng, chung thủy với chồng thậm trí cả khi người chồng đã chết. Sau khi ly dị, phụ nữ chỉ được tái hôn khi đã hết “thời gian ở giá”. Nếu trong “thời gian ở giá”, họ có quan hệ tình cảm hoặc tái hôn với người đàn ông khác cũng sẽ bị coi là phạm tội ngoại tình. Nếu phụ nữ phạm tội ngoại tình sẽ bị đem ra nơi công cộng để mọi người ném đá đến chết (2: 228-231)²¹.

Kinh Qur'an còn quy định khi cha mẹ chia gia tài thì con gái chỉ được hưởng một phần nửa của con trai (4:11)²². Khi ra trước tòa làm chứng thì lời chứng của người phụ nữ chỉ có giá trị bằng một nửa lời chứng của đàn ông. Khi nạn nhân là phụ nữ bị giết thì thân nhân chỉ được lãnh một nửa số tiền bồi thường so với nạn nhân là nam giới (2: 282)²³.

Phụ nữ Islam giáo phải thực hiện những quy định hết sức khắt khe về trang phục được quy định trong *Kinh Qur'an*: “Hãy bảo những người phụ nữ có đức tin nên hạ thấp cái nhìn của họ xuống và che phủ phần kín đáo của cơ thể của họ và chớ có phô bày nhan sắc ra ngoài ngoại trừ bộ phận nào lộ ra ngoài tự nhiên (như hai bàn tay, cặp mắt...) và chớ phô bày nhan sắc ngoại trừ đối với chồng, hoặc đối với cha ruột, hoặc cha chồng, hoặc con trai của chị, em ruột, hoặc những người đàn bà giúp việc, hoặc những người nô lệ thuộc quyền sở hữu của họ, hoặc những người đàn ông phục dịch nhưng đã hết tình dục, hoặc những đứa bé không quen với phần kín đáo của đàn bà” (24:31)²⁴; “Hỡi Nabi (Muhammad!) Hãy bảo các bà vợ của Người và các đứa con gái của Người và các bà vợ của các tín đồ phủ áo choàng (Jalâbib) che kín thân mình của họ” (33: 59)²⁵.

Đặc biệt, với hầu hết các tôn giáo, quyền của phụ nữ trong đời sống tâm linh vẫn có những hạn chế rất lớn. Các tôn giáo lớn, như: Công giáo, Islam giáo, Do Thái giáo... đều không chấp nhận cho phụ nữ bình đẳng với nam giới trong các chức vụ giáo sĩ. Với Phật giáo, thành lập ni đoàn là một tiến bộ vượt bậc của Đức Phật trong

bối cảnh xã hội Ấn Độ lúc đương thời. Tuy nhiên, dù cho phép thành lập ni đoàn, nhưng ni giới khi gia nhập tăng đoàn buộc phải chấp nhận những điều kiện nhất định và trong Tăng đoàn, ni giới phải thực hiện nhiều giới luật hơn tăng giới²⁶.

Như vậy, mặc dù không trực tiếp bàn đến quyền con người theo cách tiếp cận của thời hiện đại, nhưng giáo thuyết của nhiều tôn giáo đều đụng chạm đến những khía cạnh khác nhau của quyền con người. Những quan niệm đó ảnh hưởng nhất định đến cách tiếp cận và việc thực thi quyền con người ở một số quốc gia hiện nay. Điều đó đòi hỏi các quốc gia cần linh hoạt trong việc vận dụng, thực thi quyền con người trong chiến lược phát triển của đất nước mình. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, 1985, tr. 10.
- 2 Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, tldd, tr. 18.
- 3 Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, tldd, tr. 1142.
- 4 Giáo hoàng Học Viện Piô X dịch, *Thánh Công đồng chung Vaticano II: Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay* (Gaudium Et Spes), Phần I, Chương II.
- 5 Nguyễn Văn Phương, Linh mục Phan Tấn Thành, Linh mục Vũ Văn Thiện, Linh mục Mai Đức Vinh dịch, *Bộ Giáo luật, Quyển VI: Chế tài trong Giáo hội, Phần II: Hình phạt cho từng tội phạm, Thiên 6: Tội phạm đến dự sống và sự tự do của con người*.
- 6 Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch, *Kinh số 512, trong Kinh Tạp A Hàm*, tập II, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành năm 1994, tr. 309.
- 7 *Quan niệm về trợ tử của đạo Phật*, <https://www.niemphat.vn/downloads/thuyet-phap/sanh-tu/quan-niem-ve-tro-tu-cua-dao-phat-nguyen-phuc-buu-tap.pdf>
- 8 *Đạo Phật trước vấn đề trợ tử*, <https://thuvienhoasen.org/a31096/dao-phat-truoc-van-de-tro-tu>.
- 9 Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, 1985, tr.1830.
- 10 Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, 1985, tr.1830.
- 11 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1997, tr. 42-43.
- 12 Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, 1985, tr. 2155-2165 và tr. 1830.

- 13 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1997, tr. 90.
- 14 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 87.
- 15 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 87.
- 16 Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, 1985, tr. 2155.
- 17 Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, 1985, tr. 2192-93.
- 18 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 90.
- 19 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 90.
- 20 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 41.
- 21 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 42.
- 22 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 85-86.
- 23 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 53.
- 24 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 397.
- 25 Hassan Abdul Karim dịch, *Kinh Qur'an (Ý nghĩa nội dung)*, tldđ, tr. 490.
- 26 Ni giới Phật giáo phải thực hiện 8 điều bắt buộc (Bát Kính pháp) khi gia nhập tăng đoàn: Tỳ kheo ni, dầu trăm tuổi hạ, thấy vị Tỳ kheo tăng mới thọ giới cũng phải đứng lên tiếp đón lễ bái và trải trải toàn sách sẽ mời ngồi; Tỳ kheo ni không được chê bai, mắng nhiếc Tỳ kheo tăng; Tỳ kheo ni không được cử tội, nói lỗi của Tỳ kheo tăng, trái lại, Tỳ kheo tăng được quyền nói lỗi của Tỳ kheo ni; Thúc xoa ma na (Sa di ni học pháp trước khi thọ giới Tỳ kheo) học giới xong nên theo chúng tăng cầu thọ đại giới; Tỳ kheo ni phạm tội tăng tàn, nên phải nửa tháng ở hai bộ tăng hành pháp Ma na đỏa; Tỳ kheo ni nên trong nửa tháng theo Tỳ kheo tăng cầu thọ học; Tỳ kheo ni không được an cư ở nơi không có Tỳ kheo tăng an cư; Tỳ kheo ni an cư kiết hạ xong, nên ở trong chúng Tỳ kheo tăng cầu xin 3 việc để tự tứ sám hối; Theo quy định của Phật giáo, hàng Tỳ kheo phải giữ 250 giới nhưng Tỳ kheo ni phải giữ 348 giới luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, 1985.
2. Giáo Hoàng Học Viện Piô X (dịch), *Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II: Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay (Gaudium Et Spes)*.
3. Nguyễn Văn Phương, Linh mục Phan Tấn Thành, Linh mục Vũ Văn Thiện, Linh mục Mai Đức Vinh (dịch), *Bộ Giáo luật, Quyển VI*.
4. Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ (dịch), *Kinh Tạp A Hàm*, tập II, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành năm 1994.
5. *Kinh Qur'an (ý nghĩa nội dung)*, Hassan Abdul Karim (dịch), 1997.
6. *Quyền con người - tập tài liệu chuyên đề của Liên Hợp Quốc*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010.
7. *Các văn kiện quốc tế cơ bản về quyền con người*, Hà Nội, 2002.

8. <https://www.niemphat.vn/downloads/thuyet-phap/sanh-tu/quan-niem-ve-tro-tu-cua-dao-phat-nguyen-phuc-buu-tap.pdf>
9. <https://thuvienhoasen.org/a31096/dao-phat-truoc-van-de-tro-tu>.

Abstract

HUMAN RIGHTS IN THE DOCTRINE OF SOME RELIGIONS

Hoang Thi Lan

Institute of Religions and Beliefs

Ho Chi Minh National Academy of Politics

Human rights are issues of contemporary times, however, they have been mentioned by religions in different aspects such as human origin, personality, dignity, freedom of love, of marriage, of religious spiritual life, of life and death, etc.. This article indicates human rights in doctrine of some religions such as the right to live and to warrant life; Right to love and to marry; Equal rights between male and female.

Keywords: Doctrine; religion; human rights.